

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình số: 404/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 626/26 đường T, phường H, quận H, TP Đà Nẵng; Chỗ ở: 250 đường M, tổ 48, phường H, quận C, TP Đà Nẵng;

- *Bị đơn*: Ông **Lê Đức M**, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K, phường H, quận L, TP Đà Nẵng; Chỗ ở: 250 đường M, tổ 48, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KT Việt Nam; Địa chỉ hội sở chính: 191 đường B, phường L, quận H, TP Hà Nội; Địa chỉ phòng giao dịch N – chi nhánh Đà Nẵng (địa chỉ mới): Số 161 đường N, quận S, TP Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị, người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Thanh B, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 11 tháng 02 năm 2020.

Căn cứ đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ngày 11/02/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Lê Đức M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Lê Đức M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 09/02/2012 cho bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Lê Đức M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Nguyễn Minh N mỗi tháng 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Đức M không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông Lê Đức M còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Lê Đức M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Lê Đức M cũng như đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần KT Việt Nam không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000897 ngày 27/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000896 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường H, quận H
TP Đà Nẵng (Số 1/2009);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cường